TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:150/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2019.
V/v : " ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

+ Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 17/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2019, về "*ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích L, sinh năm: 1988, trú tại: xóm Kg, thôn Tư C, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh V, sinh năm: 1991, trú tại: Thôn P, xã X, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chị L có mặt, anh Văn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích L trình bày:

- Chị L và anh Văn tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ

chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào năm 2015. Sau khi kết hôn chị L và anh Văn sống tại nhà chồng. Tháng 12/2015, khi chị L có thai nên về nhà mẹ đẻ để sinh sống đến khi sinh con. Trong suốt thời gian này, anh Văn có vào chăm chị L được 7 ngày sau sinh, sau đó không tâm chăm sóc đến mẹ con của chị L. Chị L và anh Văn phần ai nấy sống từ tháng 12/2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị L yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Văn.

- Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/8/2016. Từ lúc sinh ra đến nay, chị L một mình nuôi con. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh Văn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn anh Văn không đến Tòa, không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Anh V có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và có mặt tại địa phương. Tuy nhiên do anh V và người thân thích không có ở nhà tại thời điểm giao nhận các văn bản tố tụng nên tòa án không thể giao nhận trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh V. Do vậy, tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành thủ tục niêm yết cho anh V quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cũng như quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành vào năm 2015. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa L và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[3] Sau khi cưới, chị L sống với gia đình chồng từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2015, khi có thai thì về nhà mẹ đẻ ở Quảng Ngãi để sinh sống. Từ tháng 12/2015 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Sự việc đã được ban nhân dân thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành và thôn Tư Cung, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận.

[4] Sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên quay về đoàn tụ nhưng anh V không đến; chị L cương quyết ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị L và anh V nếu có kéo dài cũng không đạt được mục đích, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị L, cho ly hôn giữa chị L và anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh V có một con chung là cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/8/2016. Chị L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Xét thấy việc giao con cho ai phải đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các con. Từ lúc sinh ra cho đến nay cháu C do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh V không chung sống cùng mẹ con chị L, không quan tâm đến mẹ con chị L được chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy xét giao cháu C cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

[8] Án phí HNGĐ sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Bích L và anh Nguyễn Anh V.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 08/8/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0004231 ngày 07/5/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Xuân I;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Công Thắng